

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2018/HSST
Ngày 01 tháng 8 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thanh Hà.

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tô Thị Lành

Ông Trần Viết Trà.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Lệ Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: ông ***Phan Văn Hoá*** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 8 năm 2018 tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 93/2018/TLST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn T, sinh ngày 20/8/1987 tại Gia Lai, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn 5, xã B, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông.

Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm nông.

Con ông Nguyễn D, Sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1960.

Vợ: Lê Thị N - Sinh năm 1990.

Bị cáo có 02 người con, sinh năm 2008 và 2016.

Hiện vợ và con của bị cáo trú tại Thôn 05, xã B, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Nhân thân: Tại bản án số 19/2006/HSST ngày 13/7/2006 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai đã tuyên phạt bị cáo Nguyễn T 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, tại bản án số 62/2006/HSPT ngày 12/9/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã không chấp nhận kháng cáo, y án sơ thẩm.

Tại bản án số 36/2010/HHST ngày 07/9/2010 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã xử phạt bị cáo 30 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Tiền án: Không.

Tiền sự: 01 lần (ngày 14/4/2016, có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai ra Quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở tư vấn và cai nghiện ma túy tỉnh Gia Lai, thời hạn 24 tháng. Đến ngày 09/10/2017, chấp hành xong về địa phương).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11 tháng 4 năm 2018 đến nay tại Nhà tạm giữ Công

an thành phố P, tỉnh Gia Lai. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm V, sinh ngày 20/2/1987 tại Gia Lai, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn 10, xã P, huyện Đ, tỉnh Gia Lai;

Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Làm nông.

Con ông Phạm T, Sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị H - Sinh năm 1963.

Vợ: Ngô Ngọc A - Sinh năm 1990.

Bị cáo có 02 người con, sinh năm 2009 và 2013.

Hiện vợ con của bị can trú tại Thôn 10, xã P, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Nhân thân: Tại bản án số 19/2006/HSST ngày 13/7/2006 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai đã tuyên phạt bị cáo Phạm V 06 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, tại bản án số 62/2006/HSPT ngày 12/9/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã không chấp nhận kháng cáo, y án sơ thẩm.

Tại bản án số 36/2010/HHST ngày 07/9/2010 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã xử phạt bị cáo 24 tháng tù về tội “ Cố ý gây thương tích”

Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 25/3/2018, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 19/4/2018, ra đầu thú và bị tạm giữ. Ngày 25/4/2018, bị khởi tố và bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

- Anh Nguyễn T; sinh năm: 1980; địa chỉ: 09 đường Đ, Tổ 8, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có đơn xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê N; sinh năm: 1962; địa chỉ: Thôn 5, xã B, huyện Đ , tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Chị Lê Thị N; sinh năm: 1990; địa chỉ: Thôn 5, xã B, huyện Đ , tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Người làm chứng:

- Anh Võ Đ, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ 8, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Ông Vũ H; sinh năm: 1963; địa chỉ: Tổ 7, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 25/3/2018, Nguyễn T điều khiển xe mô tô biển số 81V1-088.25 đi đến nhà Phạm V thì gặp V, V rủ T đi tìm Vũ H (sinh năm 1979; trú tại: Tổ 07, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai) - là bạn của V, xin tiền mua ma túy

để cả hai sử dụng thì T đồng ý. Lúc này, T đưa xe mô tô cho V điều khiển chở T ngồi sau đi đến nhà Hiền nhưng không gặp Hiền nên V điều khiển xe mô tô chở T đi đến đường Đ, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Khoảng 08 giờ 10 phút cùng ngày, khi đến trước nhà anh Nguyễn T (sinh năm 1980, trú tại: Số nhà 09 đường Đ, Tổ 08, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai), thấy nhà mở cửa nhưng không có người trông coi, ở phòng khách có 01 tượng gỗ Cẩm hình Phật Di Lặc ngồi dưới gốc cây nên V nói với T: “*Lấy tượng đó bán cũng có tiền đó bạn*” thì T đồng ý và nói: “*Để mình vô lấy*”. Sau đó, T xuống xe đi vào phòng khách nhà anh T lấy tượng gỗ hình Phật Di Lặc rồi đi ra, lên xe V điều khiển chạy thoát. Ngay lúc này, anh T đang ở dưới bếp, nghe có tiếng động lạ nên anh T đi lên thì phát hiện T đang ôm tượng gỗ chạy ra ngoài rồi lên xe V chở bỏ chạy theo đường N. Anh T tri hô nên anh Võ Đ (sinh năm 1975) - là hàng xóm của anh T, điều khiển xe mô tô chạy tới chở anh T đuổi theo T và V. Khi đến trước trường trung học phổ thông N, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai thì anh Đạt đuổi kịp và vượt lên ép đầu xe làm V và T cùng xe mô tô ngã xuống đường. Sau đó, V và T đứng dậy bỏ chạy thoát, còn để lại xe mô tô biển số 81V1-088.25 và tượng gỗ đã chiếm đoạt của gia đình anh T. Anh T đã đem chiếc xe mô tô cùng tượng gỗ này đến Công an phường T trình báo và giao nộp. Cùng ngày, Công an phường T đã chuyển hồ sơ và vật chứng nêu trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P để điều tra, xử lý. Ngày 11/4/2018, Nguyễn T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đầu thú; ngày 19/4/2018, Phạm V đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Qua định giá, xác định: Tượng gỗ Cẩm hình Phật Di Lặc ngồi dưới gốc cây, kích thước (16 x 28 x 40) cm, có giá trị là 3.000.000 đồng. Sau khi định giá xong, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Nguyễn T.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 81V1-08825 đã thu giữ, qua điều tra, xác định: Chiếc xe này do ông Lê N (là bố vợ của Nguyễn T) mua lại của bà Lê Thị H (sinh năm 1967; trú tại: Tổ 06, phường N, thành phố P, tỉnh Gia Lai) vào tháng 7/2017. Sau khi mua chiếc xe này, ông N đã cho con gái là Lê Thị N (là vợ của Nguyễn T) mượn để làm phương tiện đi lại. Ngày 25/3/2018, T sử dụng chiếc xe này làm phương tiện đi trộm cắp tài sản thì ông N và chị N không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại chiếc xe này cho ông Lê N.

Về dân sự: Bị hại Nguyễn T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại Bản cáo trạng số 100/CT - VKS ngày 26/6/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố các bị cáo Nguyễn T và Phạm V về tội: “**Trộm cắp tài sản**” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị tuyên bố các bị cáo Nguyễn T và Phạm V phạm tội “ Trộm cắp tài sản”; đề nghị áp dụng;

- Khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Nguyễn T từ 12 đến 15 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày

(11/4/2018).

Xử phạt bị cáo Phạm V từ 09 đến 12 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về án phí: buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận có hành vi trộm cắp như cáo trạng đã nêu, nhận thấy hành vi đó của mình là sai trái, vi phạm pháp luật; các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt đối với mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo, lời khai của người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn T, Phạm V phạm tội như sau:

Vào khoảng 08 giờ 10 phút ngày 25 tháng 3 năm 2018, Phạm V điều khiển xe mô tô chở T ngồi sau đi đến đường Đ, phường T, thành phố P, Gia Lai. Khi đi đến số nhà 09 đường Đ, Tổ 08, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai, thấy nhà mở cửa nhưng không có người trông coi, V nói với T vào lấy trộm 01 tượng gỗ hình Phật Di Lặc ngồi dưới gốc cây của anh Nguyễn T, T đồng ý và đi vào phòng khách nhà anh T lấy tượng gỗ nói trên rồi lên xe do V điều khiển tẩu thoát. Trên đường bỏ chạy thì bị anh Nguyễn T và anh Võ Đ truy đuổi thì T, V cùng xe mô tô bị ngã xuống đường, sau đó T và V để lại xe mô tô cùng tượng gỗ đã chiếm đoạt rồi chạy thoát. Ngày 11/4/2018, Nguyễn T ra đầu thú; ngày 19/4/2018, Phạm V ra đầu thú.

[3] Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản như trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xét thấy, đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo V là người khởi xướng, rủ rê và cùng bị cáo T trực tiếp thực hành tội phạm. Do đó, khi lượng hình Hội đồng xét xử sẽ xem xét cân nhắc mức hình phạt tương xứng đối với từng bị cáo. Các bị cáo đều là những người có sức khỏe, có trình độ học vấn và có đủ năng lực để nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam, lười lao động, nghiện ma túy nên đã cố tình chiếm đoạt tài sản của người khác để sử dụng cho bản

thân. Các bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt tù về tội “ Trộm cắp tài sản” và tội: “ Cố ý gây thương tích” mặc dù đã được xóa án tích nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Bị cáo Nguyễn Minh T còn có 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai ra Quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở tư vấn và cai nghiện ma túy tỉnh Gia Lai, thời hạn 24 tháng. Do vậy, cần thiết phải xử phạt các bị cáo một mức án thật nghiêm khắc, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm răn đe, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sẽ xem xét cho các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, sau khi phạm tội các bị cáo đã ra đầu thú; các bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Tại đơn xét xử vắng mặt bị hại Thành xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự sẽ được Hội đồng xét xử áp dụng khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[5] Về bồi thường dân sự: Người bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản bị trộm và không có yêu cầu thì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về vật chứng vụ án: Đối với xe mô tô biển số 81V1-08825 mà các bị cáo sử dụng làm phương tiện để đi trộm cắp tài sản, qua điều tra đã xác định xe này thuộc sở hữu của ông Lê N (ông Nguyễn mua lại xe của bà Lê Thị Thu Hương). Sau khi mua xe, ông Nguyễn đã cho con gái là Lê Thị N (vợ bị cáo T) mượn để đi lại. Việc T sử dụng xe này làm phương tiện trộm cắp tài sản thì ông Nguyễn và chị Ngọc không biết nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã trả lại xe cho ông Nguyễn là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[7] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Về tội danh và hình phạt

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, tuyên bố bị cáo Nguyễn T phạm tội: “ Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt bị cáo Nguyễn T 12 (mười hai) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 11/4/2018.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, tuyên bố bị cáo Phạm V phạm tội: “ Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt bị cáo Phạm V 09 (chín) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử buộc các bị cáo Nguyễn T và Phạm V mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm;

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Đoàn Thị Thanh Hà

